

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-02-2026

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh

2. Ông Nguyễn Duy Khoa

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 390/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà [Mai Thị Tuyết M](#), sinh năm 1984;

Địa chỉ: [ấp V, xã N, tỉnh Vĩnh Long](#).

* **Bị đơn:** Ông [Lê Chí T](#), sinh năm 1982;

Địa chỉ: [ấp V, xã N, tỉnh Vĩnh Long](#).

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà [Mai Thị Tuyết M](#) trình bày:

Bà và ông [Lê Chí T](#) tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại [Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre \(nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long\)](#) vào ngày 21/6/2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên cãi vã, giữa bà và ông [T](#) không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tiền làm ra vợ chồng sử dụng riêng. Ngoài ra, giữa bà và mẹ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, mẹ chồng thường hay ghen tuông đặt điều không đúng về bà để nói với ông [T](#), tuy ông [T](#) không tin những gì mẹ chồng nói nhưng hai vợ chồng không giải quyết được với nhau về mâu thuẫn này. Vợ chồng từ cuối năm 2022 ly thân với nhau nhưng còn sống chung nhà đến tháng 9/2025 thì bà về gia đình cha mẹ ruột sống riêng cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được với

nhau. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông [T](#) nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông [T](#).

Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, bà và ông [T](#) có 01 con chung tên [Lê Minh K](#), sinh ngày 05/10/2006. Con chung đã thành niên có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà [M](#) trình bày tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà [M](#) trình bày nợ chung không có.

** Theo biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông [Lê Chí T](#) trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà [M](#) về điều kiện kết hôn cũng như thời điểm kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà [M](#) trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do mẹ ông và vợ có mâu thuẫn, mẹ ông có thói quen xấu là hay đi ghen tuông dùm ông, chuyện vợ chồng nhưng cha mẹ thường hay can thiệp, ông cũng nhiều lần nói chuyện này với mẹ để dung hòa mâu thuẫn nhưng bà không thay đổi. Việc sử dụng tiền bạc trong gia đình như bà [M](#) trình bày là đúng, vợ chồng ông tự kiếm tiền, tự sử dụng tiền riêng từ hơn 10 năm nay. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2024 cho đến nay. Tuy nhiên, ông còn thương vợ thương con nên xin vợ cho thêm cơ hội, ông sẽ sửa đổi để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc gia đình với nhau nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: trong quá trình hôn nhân ông và bà [M](#) có 01 con chung tên [Lê Minh K](#), sinh ngày 05/10/2006. Con chung đã thành niên có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông [T](#) trình bày tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết ;

- Về nợ chung: Ông [T](#) trình bày nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông [Lê Chí T](#) hiện đang cư trú tại [xã N, tỉnh Vĩnh Long](#) nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông [Lê Chí T](#) và bà [Mai Thị Tuyết M](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre \(nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long\)](#) vào ngày 21/6/2006 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân với nhau, bà [M](#) xác định thời điểm ly thân từ cuối năm 2022 nhưng vẫn còn ở chung nhà đến tháng 9/2025 bà [M](#) về sống chung gia đình cha mẹ ruột cho đến nay. Nay bà [M](#) xác

định không còn tình cảm với ông T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông có những mâu thuẫn với nhau một thời gian dài, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà M với ông T thực tế đã xảy ra. Trong thời gian chung sống bà M và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau, không có sự chia sẻ giúp đỡ nhau, trong đời sống vợ chồng lạnh nhạt, ly thân nhau một thời gian dài. Nay, ông T yêu cầu bà M cho ông T thêm cơ hội thay đổi, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng ông T không có biện pháp nào hàn gắn để bà M tin tưởng mà vẫn cương quyết xin ly hôn. Từ đó, cho thấy thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Mai Thị Tuyết M và ông Lê Chí T có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 05/10/2006. Con chung đã thành niên có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Mai Thị Tuyết M và ông Lê Chí T thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Mai Thị Tuyết M và ông Lê Chí T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị Tuyết M phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Tuyết M.

- Về hôn nhân: Bà Mai Thị Tuyết M được ly hôn ông Lê Chí T.

- Về con chung: Ông Lê Chí T và bà Mai Thị Tuyết M có 01 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 05/10/2006. Con chung Lê Minh K đã thành niên có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Mai Thị Tuyết M và ông Lê Chí T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Mai Thị Tuyết M và ông Lê Chí T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà [Mai Thị Tuyết M](#) phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013259 ngày 30/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THA khu vực 6- Vĩnh Long;
- UBND xã Nhuận Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đoan Trang

